

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo (điều chỉnh)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 510/QĐ-XHNV ngày 05 ngày 03 tháng 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3636/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy chế đào tạo thạc sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về mở ngành và điều chỉnh chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Hướng dẫn số 1144/HD-ĐHQGHN ngày 03 tháng 04 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1855/QĐ-ĐHQGHN ngày 30 tháng 05 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Ủy quyền kí điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội (năm 2023);

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Tâm lý học lâm sàng, mã số ngành: 8310402.

Điều 2. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Tâm lý học lâm sàng ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng cho học viên từ khóa tuyển sinh năm

2022 của Trường Đại học Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 3. Trường phòng Đào tạo, Trường phòng Tổ chức – Cán bộ, Trường phòng Kế hoạch – Tài chính, Trường khoa Tâm lý học và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- ĐHQGHN (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Hoàng Anh Tuấn

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC
XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

ĐỊNH HƯỚNG: ỨNG DỤNG
NGÀNH: TÂM LÝ HỌC LÂM SÀNG
MÃ SỐ : 8310402

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2904/QĐ-XHNV ngày 10 tháng 8 năm 2023 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn)

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:

+ Tên tiếng Việt: Tâm lý học Lâm sàng

+ Tên tiếng Anh: Clinical Psychology

- Mã số ngành đào tạo: 8310402

- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

- Thời gian đào tạo: 2 năm

- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:

+ Tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Tâm lý học lâm sàng

+ Tiếng Anh: The Degree of Master in Clinical Psychology

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo bậc thạc sĩ ngành Tâm lý học lâm sàng có mục tiêu chung là đào tạo các chuyên gia thực hành lâm sàng trình độ cao, có kiến thức chuyên môn sâu, kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp trong can thiệp cho những người có khó khăn tâm lý.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức

Trang bị và hướng dẫn người học bổ sung, cập nhật hệ thống kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành Tâm lý học lâm sàng, gồm: Cơ sở lý luận và hệ thống lý thuyết về bệnh

lý lâm sàng; Các nguyên tắc và phương pháp đánh giá tâm lý; Các tiếp cận can thiệp tâm lý cho người lớn, thanh thiếu niên, trẻ em.

2.2.2. Về kỹ năng

Trang bị và hướng dẫn người học nâng cao các kỹ năng hoạt động nghề nghiệp và kỹ năng hỗ trợ, bao gồm: Kỹ năng nhận diện triệu chứng, phân biệt các triệu chứng ở các hội chứng khác nhau; Kỹ năng đánh giá các vấn đề tâm bệnh lý; Kỹ năng can thiệp, hỗ trợ tâm lý cho cá nhân, nhóm, cộng đồng theo các tiếp cận trị liệu đa dạng trên thế giới.

2.2.3. Về mức tự chủ và trách nhiệm

Rèn luyện và phát huy các phẩm chất đạo đức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp và đạo đức xã hội.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN).

3.2. Đối tượng dự tuyển

3.2.1. Yêu cầu về văn bằng

- Đã tốt nghiệp đại học ngành phù hợp. Trường hợp thí sinh phải học bổ sung kiến thức thi cần hoàn thành trước khi đăng ký dự tuyển.

- Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học đạt loại khá cần có tối thiểu 1 năm kinh nghiệm công tác; Có bằng tốt nghiệp đại học đạt dưới loại khá thì phải có ít nhất 2 năm công tác trong lĩnh vực thực hành, nghiên cứu, giảng dạy tâm lý học và tâm lý học lâm sàng.

- Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

3.2.2. Về năng lực ngoại ngữ

- Có năng lực ngoại ngữ đúng với yêu cầu của chương trình đào tạo từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Năng lực ngoại ngữ được minh chứng qua một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do ĐHQGHN cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng được yêu cầu trình độ

bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

+ Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ ngoại ngữ cho đến ngày ký dự thi thạc sĩ được cấp bởi các cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo và ĐHQGHN công nhận.

- Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài phải đạt trình độ tiếng Việt từ bậc 4/6 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của chương trình đào tạo (nếu có).

3.2.3. Điều kiện khác

- Có lý lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
- Có đủ sức khỏe để học tập.
- Đáp ứng các yêu cầu khác của ĐHQGHN.

3.3. Danh mục ngành phù hợp và học phần bổ sung kiến thức

3.3.1. Danh mục ngành phù hợp

- Ngành phù hợp 1: Tâm lý học, Tâm lý học Giáo dục.
- Ngành phù hợp 2:

+ Các ngành trong nhóm ngành: Xã hội học và nhân học, Y học;

+ Các ngành: Công tác xã hội, Giáo dục học, Giáo dục đặc biệt, Giáo dục tiểu học, Giáo dục mầm non, Y tế công cộng, Điều dưỡng.

- Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của Chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng (nếu cần), đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành; báo cáo ĐHQGHN trước khi tuyển sinh và chịu trách nhiệm về việc đánh giá chuyên môn này.

3.3.2. Danh mục học phần bổ sung kiến thức với đối tượng ngành phù hợp 2

STT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Tâm lý học gia đình	3
2	Tâm lý học tham vấn	3
3	Tâm lý học phát triển	3
4	Tâm lý học lâm sàng đại cương	3

STT	Tên học phần	Số tín chỉ
5	Tâm bệnh học đại cương	3
6	Tâm lý trị liệu	3
7	Đánh giá trong tâm lý học lâm sàng	3
Tổng		21

3.4. Dự kiến quy mô tuyển sinh

Theo chỉ tiêu được ĐHQGHN cấp hàng năm (dự kiến 25 – 30 học viên/ 1 năm).

Kế hoạch tuyển sinh chi tiết được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh, hướng dẫn tuyển sinh sau đại học hàng năm của ĐHQGHN, và đề án tuyển sinh của đơn vị được ĐHQGHN phê duyệt (nếu có).

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

1.1. Kiến thức chung

PLO 1: Phân tích thể giới quan và phương pháp luận của triết học Mác – Lênin vào nhận thức và nghiên cứu các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn và hoạt động thực tiễn của người học.

1.2. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành

PLO 2: Phân tích được sự phát triển tâm lý, tâm bệnh lý ở trẻ em, thanh thiếu niên, người trưởng thành và người cao tuổi; Nhận diện các hiện tượng tâm lý bình thường và bệnh lý tâm thần.

PLO 3: Chỉ ra được bản chất của đánh giá lâm sàng, các mô hình đánh giá, các chỉ số tâm trắc của các thang đo/trắc nghiệm lâm sàng, cách thức tiến hành, xử lý và giải thích kết quả các phương pháp, cách thức viết báo cáo đánh giá lâm sàng.

PLO 4: Đánh giá về các tiếp cận, các liệu pháp và các kỹ thuật can thiệp, các ưu điểm, hạn chế và bằng chứng của từng liệu pháp can thiệp.

PLO 5: Vận dụng được các kiến thức tâm bệnh học, hiểu biết về đánh giá lâm sàng, về các liệu pháp can thiệp và dự phòng sức khỏe tâm lý cho cá nhân, nhóm và cộng đồng.

1.3. Yêu cầu đối với học phần tốt nghiệp

PLO 6: Điểm luận được một số nghiên cứu tiêu biểu về vấn đề của ca lâm sàng được trình bày trong học phần tốt nghiệp.

PLO 7: Phân tích được hệ thống lý luận liên quan đến vấn đề của ca lâm sàng được trình bày trong học phần tốt nghiệp.

PLO 8: Vận dụng tốt kiến thức, kỹ năng đánh giá vấn đề của thân chủ trong các ca lâm sàng.

PLO 9: Triển khai hiệu quả những can thiệp cần thiết cho thân chủ.

PLO 10: Đề xuất được các kiến nghị liên quan đến kiến thức chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp và thực hành nghề nghiệp từ những ca lâm sàng đã trình bày.

2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

PLO 11: Nhận diện, đánh giá và định hình trường hợp một ca lâm sàng.

PLO 12: Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu trong thực hiện các ca lâm sàng.

PLO 13: Thực hành lập kế hoạch can thiệp, thực hiện can thiệp và dự phòng các vấn đề sức khỏe tâm lý cho cá nhân, nhóm và cộng đồng.

2.2. Kỹ năng hỗ trợ

PLO 14: Thiết lập được kỹ năng truyền đạt tri thức trong tâm lý học lâm sàng.

PLO 15: Thiết lập được kỹ năng tổ chức và quản lý các hoạt động nghề nghiệp hiệu quả.

PLO 16: Có khả năng sử dụng ngoại ngữ trình độ B2 tương đương bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

3. Chuẩn đầu ra về mức tự chủ và trách nhiệm

PLO 17: Có trách nhiệm với cộng đồng; tôn trọng và yêu thương con người.

PLO 18: Tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp tâm lý; Có khả năng đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn.

4. Vị trí việc làm mà người học có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp

Người tốt nghiệp chương trình Thạc sĩ Tâm lý học lâm sàng có thể đảm nhận các vị trí việc làm sau đây:

- Thực hành thăm khám, đánh giá và can thiệp tâm lý tại các bệnh viện, các cơ sở y tế, các trung tâm hỗ trợ, tư vấn tâm lý;
- Dự phòng, đánh giá và can thiệp các vấn đề tâm lý học đường;
- Tư vấn về các vấn đề sức khỏe tâm thần cho các cá nhân, gia đình, cộng đồng;
- Đảm nhận công tác dự phòng sức khỏe tâm thần tại cộng đồng;

- Làm công tác giám định tâm lý.

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Có khả năng tự tìm tòi và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động thực tiễn tại cơ sở thực hành.

- Có khả năng tự học tập, tự nghiên cứu về các vấn đề thực hành và lý luận có liên quan đến lĩnh vực tâm lý học lâm sàng.

- Có cơ hội học lên ở bậc cao hơn (tiến sĩ) các chuyên ngành thuộc lĩnh vực tâm lý học để trở thành các chuyên gia, nhà khoa học trong lĩnh vực được đào tạo.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **60 tín chỉ**, trong đó:

- Khối kiến thức chung: **9 tín chỉ**
- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành: **33 tín chỉ**
 - + Bắt buộc: **18 tín chỉ**
 - + Tự chọn: **15 tín chỉ/ 39 tín chỉ**
- Thực tập: **9 tín chỉ**
- Học phần tốt nghiệp: **9 tín chỉ**

2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
I	Khối kiến thức chung		9				
1	PHI5002	Triết học <i>Philosophy</i>	4	55	10	135	
2	Ngoại ngữ B2* (chọn 1 trong các ngoại ngữ sau)		5				
	ENG5001	Tiếng Anh B2 <i>English B2</i>	5	250	0	0	
	RUS5001	Tiếng Nga B2 <i>Russian B2</i>	5	250	0	0	
	CHI5001	Tiếng Trung Quốc B2 <i>Chinese B2</i>	5	250	0	0	
	FRE5001	Tiếng Pháp B2 <i>French B2</i>	5	250	0	0	

* Số tín chỉ của học phần ngoại ngữ B2 được tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo nhưng không tính vào điểm trung bình chung tích lũy

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
	WES5001	Tiếng Đức B2 <i>German B2</i>	5	250	0	0	
II	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành		33				
II.1	Các học phần bắt buộc		18				
3	PSY6105	Đạo đức nghề tâm lý <i>Ethics and Deontology</i>	3	40	10	100	
4	PSY6140	Tâm bệnh học người lớn <i>Adults Psychopathology</i>	3	40	10	100	
5	PSY6050	Kỹ thuật tâm lý trị liệu <i>Psychotherapy Techniques</i>	4	50	20	130	
6	PSY6043	Đánh giá nhân cách <i>Personality Assessment</i>	4	50	20	130	
7	PSY6044	Báo cáo đánh giá ca lâm sàng <i>Clinical Assessment Report</i>	4	10	40	150	
II.2	Các học phần tự chọn		15/39				
8	PSY6045	Đánh giá trí tuệ <i>Intellectual Assessment</i>	4	50	20	130	
9	PSY6146	Tâm bệnh học người cao tuổi <i>Geriatric Psychopathology</i>	3	40	10	100	
10	PSY6138	Sự phát triển tư duy và ngôn ngữ trẻ em <i>The development of children's thinking and language</i>	3	40	10	100	
11	PSY6147	Trị liệu trẻ em và thanh thiếu niên <i>Psychotherapy for child and adolescent</i>	3	40	10	100	
12	PSY6149	Đánh giá và can thiệp học đường <i>School Assessment and Intervention</i>	3	40	10	100	
13	PSY6051	Trị liệu khủng hoảng <i>Crises Psychotherapy</i>	4	50	20	130	
14	PSY6047	Trị liệu nhóm và gia đình <i>Group and family psychotherapy</i>	4	50	20	130	
15	PSY6152	Tâm lý trị liệu Phật giáo <i>Buddhism Psychotherapy</i>	3	40	10	100	
16	PSY6026	Kỹ năng tham vấn <i>Counselling skills</i>	3	40	10	100	
17	PSY6048	Giám định tâm lý trong hoạt động tư pháp <i>Psychological Expertise in Judicial activities</i>	3	40	10	100	
18	PSY6155	Giám sát lâm sàng <i>Clinical supervision</i>	3	40	10	100	
19	PSY6156	Tâm dược trị liệu <i>Pharmacopsytherapy</i>	3	40	10	100	
III	Thực tập		9				

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
20	PSY6143	Thực hành 1 tại cơ sở <i>Placement 1</i>	4	10	50	140	
21	PSY6052	Thực hành 2 tại cơ sở <i>Placement 2</i>	5	10	50	190	
IV	Học phần tốt nghiệp		9				
22	PSY7204	Đề án <i>Project</i>	9	0	0	450	
Tổng cộng			60				

Lưu ý: Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá; đối với hoạt động dạy trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

(1): Lí thuyết

(2): Thực hành, Thí nghiệm, Thảo luận

(3): Thực tập, Nghiên cứu, Tự học có kiểm tra đánh giá